

*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất quản lý nhà nước về vay, trả nợ của Chính phủ, của chính quyền địa phương, nợ được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi chung là “nợ công”) và nợ nước ngoài của quốc gia; quản lý nhà nước về tài chính đối với các nguồn viện trợ của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế cho Việt Nam, các khoản viện trợ, tài trợ của Chính phủ Việt Nam cho nước ngoài; thực hiện vai trò đại diện Chính phủ và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các quan hệ tài chính với nước ngoài và các định chế tài chính quốc tế.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Department of Debt Management and External Finance (viết tắt là DMEF).

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc đề Bộ trưởng Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và quy chế trong các lĩnh vực:

- a) Quản lý vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;
- b) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ;
- c) Cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ;
- d) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế;
- đ) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn tài trợ của Việt Nam (viện trợ, cho vay) cho nước ngoài;
- e) Quản lý rủi ro đối với nợ công.

2. Về quản lý vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia:

2.1. Công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc đề trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các công cụ quản lý nợ công trong từng thời kỳ, bao gồm: chiến lược dài hạn về nợ công; mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công trong từng giai đoạn năm năm; chương trình quản lý nợ trung hạn; hệ thống các chỉ tiêu giám sát nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia; kế hoạch vay, trả nợ của Chính phủ hàng năm. Xác định, tổng hợp và thực hiện giám sát các hạn mức vay nợ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức giám sát, phân tích, đánh giá thường xuyên và định kỳ về tính bền vững nợ theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công;

c) Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý và xử lý rủi ro đối với nợ công; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Công tác quản lý vay nước ngoài của chính phủ:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, vận động, sử dụng và điều phối nguồn vốn vay nước ngoài; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ; tham gia xây dựng danh mục yêu cầu tài trợ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và trong quá trình chuẩn bị, thẩm định, quyết định đầu tư các chương trình, dự án dự kiến sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; chủ trì tham gia trong quá trình thẩm định độc lập của nhà tài trợ (nếu có) đối với các dự án được lựa chọn sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

b) Tổ chức đàm phán, ký kết theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hoặc tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ký kết các hiệp định vay vốn nước ngoài cho các chương trình, dự án đã được duyệt theo phân công hoặc ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các thỏa thuận huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế; các thỏa thuận về xử lý hoặc cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vay ưu đãi với Ngân hàng Thế giới, ngân hàng phát triển châu Á, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các tổ chức tài chính quốc tế khác mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các phương án huy động vốn nước ngoài trên thị trường vốn quốc tế của Chính phủ thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ và các hình thức huy động khác; tham gia ý kiến đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế và các hình thức vay khác của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý tài chính, giải ngân đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ sau khi được phê duyệt; chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ xử lý các vấn đề tài chính trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án vay vốn ODA, vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hoặc đề trình cấp có thẩm quyền quyết định cơ chế tài chính áp dụng đối với các chương trình, dự án vay vốn nước ngoài, các điều kiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với các chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn và các chương trình, dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thuộc đối tượng vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

đ) Lựa chọn tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tài chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ; tổ chức việc cho vay lại trong nước và theo dõi đôn đốc việc thu hồi vốn cho vay lại; thẩm định các căn cứ, điều kiện cho vay lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thay mặt Bộ trưởng Bộ Tài chính ký kết các hợp đồng cho vay lại, hiệp định vay phụ, hợp đồng ủy quyền cho vay lại; đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn này;

e) Tham gia với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính về kế hoạch tài chính hàng năm (vốn nước ngoài và vốn đối ứng) của các chương trình, dự án vay vốn nước ngoài; phối hợp với Kho bạc Nhà nước và Vụ Ngân sách Nhà nước làm thủ tục hạch toán ngân sách nhà nước đối với nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

g) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính đề xuất cơ chế xử lý tài chính đối với các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ gặp khó khăn trong trả nợ.

### 2.3. Công tác quản lý vay trong nước của Chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ, xây dựng kế hoạch vay trong nước của Chính phủ (thuộc phạm vi nợ công) hàng năm, hàng quý;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ trong việc tổ chức phát hành trái phiếu của Chính phủ theo kế hoạch phát hành hàng năm, hàng quý cho Ngân sách Nhà nước;

c) Chủ trì giám sát việc thực hiện kế hoạch vay trong nước của Chính phủ.

### 2.4. Công tác quản lý bảo lãnh chính phủ:

a) Tổ chức thẩm định phương án tài chính, kiến nghị việc cấp và tổ chức quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ;

b) Thực hiện cấp và quản lý bảo lãnh hàng năm và giám sát hạn mức, cơ cấu kỳ hạn phát hành trái phiếu được chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính đề xuất cơ chế xử lý tài chính đối với các khoản vay có bảo lãnh chính phủ gặp khó khăn trong trả nợ.

### 2.5. Công tác quản lý vay nợ của chính quyền địa phương:

Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện giám sát việc vay, trả nợ của chính quyền địa phương; phối hợp trong quá trình thẩm định các đề án phát hành trái phiếu của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý nợ công.

### 2.6. Công tác trả nợ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ xây dựng kế hoạch trả nợ của Chính phủ;

b) Tổ chức và hướng dẫn thực hiện trả nợ nước ngoài của Chính phủ từ ngân sách nhà nước; tổ chức trả nợ đối với các khoản nghĩa vụ nợ dự phòng phát sinh từ nghĩa vụ của người bảo lãnh.

### 2.7. Công tác thống kê, báo cáo, công bố thông tin về nợ công:

a) Tổ chức thống kê và tổng hợp số liệu về vay và trả nợ công; quản lý cơ sở dữ liệu về nợ công; tổ chức thu thập, chia sẻ và công bố thông tin về nợ công theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp và định kỳ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình vay, quản lý, sử dụng vốn vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;

c) Là đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình nợ công với các tổ chức tài chính quốc tế, đại diện chính phủ nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan ở trong nước và ngoài nước.

#### 2.8. Công tác quản lý Quỹ tích lũy trả nợ:

Tổ chức quản lý Quỹ tích lũy trả nợ theo quy định của pháp luật.

#### 3. Về quản lý tài chính đối với các nguồn viện trợ quốc tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các chính sách, chế độ, quy chế về quản lý tài chính nguồn viện trợ;

b) Lập kế hoạch thu ngân sách về viện trợ để tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; quản lý tài chính và giải ngân, tổ chức thực hiện việc xác nhận viện trợ đối với nguồn vốn viện trợ theo quy định về quản lý vốn viện trợ; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện, giải ngân các nguồn vốn viện trợ hàng quý, hàng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính; phối hợp với Kho bạc Nhà nước và Vụ Ngân sách Nhà nước hạch toán vốn viện trợ vào ngân sách nhà nước;

c) Tổ chức đối chiếu số liệu ghi thu - ghi chi và thẩm định quyết toán vốn viện trợ với các cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và trong việc xác định cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản;

đ) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc đánh giá năng lực quản lý tài chính các dự án do Liên hợp quốc viện trợ theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

e) Tham gia với Ủy ban công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan về công tác vận động, đánh giá tình hình và hiệu quả của các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO); chủ trì trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến trình cấp có thẩm quyền quyết định kế hoạch phân phối, sử dụng các nguồn viện trợ phi dự án của các tổ chức NGO và các khoản cứu trợ đột xuất không có địa chỉ cụ thể;

g) Chủ trì hoặc tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính, trong việc sử dụng viện trợ của các chương trình, dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại;

h) Đối chiếu số liệu hạch toán ngân sách nhà nước các khoản viện trợ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác thuộc

Trung ương để gửi các đơn vị liên quan phục vụ công tác quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

i) Tổng hợp quyết toán tài chính đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài định kỳ theo quy định;

k) Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

l) Kiểm tra các quy định về quản lý tài chính đối với việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài của các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ quan chủ quản;

m) Tổ chức dịch vụ tiếp nhận và giao hàng viện trợ theo uỷ nhiệm của các tổ chức quốc tế, các chủ dự án.

4. Về quản lý vốn viện trợ, cho vay và hợp tác của Chính phủ Việt Nam với nước ngoài:

a) Tham gia với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ để xây dựng dự toán vốn viện trợ trong ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ đề xuất phương án huy động, bố trí nguồn vốn để cho vay và hợp tác tài chính với nước ngoài theo chỉ đạo của Chính phủ; tổ chức thực hiện cấp vốn viện trợ, cho vay và hợp tác theo đúng cam kết của Chính phủ; kiểm tra hoặc tham gia kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn viện trợ, cho vay và hợp tác đối với các đơn vị Việt Nam hoặc các đối tác nước ngoài được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn này;

b) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính để tham gia ý kiến về hiệp định, thoả thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ các nước; chuẩn bị hiệp định về tài trợ (viện trợ, cho vay và hợp tác tài chính khác) cho nước ngoài và cử đại diện tham gia vào các Uỷ ban liên Chính phủ theo quy định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổng hợp, đối chiếu số liệu về vốn viện trợ, cho vay và hợp tác hàng năm và từng thời kỳ của Chính phủ Việt Nam đối với nước ngoài, làm thủ tục hạch toán ngân sách nhà nước đối với các khoản chi nói trên; chủ trì theo dõi thu hồi nợ trong trường hợp cho vay cho phía nước ngoài để hoàn trả nguồn thu xếp vốn hoặc nộp ngân sách nhà nước.

5. Về giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện vai trò đại diện Chính phủ và Nhà nước Việt Nam trong các quan hệ tài chính với nước ngoài:

a) Tổ chức đàm phán, ký kết theo uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ký kết các Hiệp định vay vốn nước ngoài cho các chương trình, dự án đã được duyệt theo phân công hoặc uỷ quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các thoả thuận liên quan đến huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế, các thoả thuận về xử lý hoặc cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ;

b) Tham mưu để Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc đại diện cho Bộ Tài chính theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính tham gia thành phần của bên Việt

Nam trong các Ủy ban liên Chính phủ, đại diện Chính phủ, Nhà nước tại các tổ chức tài chính quốc tế và các diễn đàn quốc tế;

c) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính các nội dung, hình thức để trao đổi, thảo luận với đại diện có thẩm quyền của bên nước ngoài về các quan hệ hợp tác kinh tế, tài chính và tài trợ vốn giữa Nhà nước Việt Nam với nước ngoài; tham gia ý kiến về các điều kiện tài chính trong các Điều ước quốc tế hoặc các thoả thuận giữa Chính phủ Việt Nam với bên nước ngoài.

6. Về công tác xếp hạng hệ số tín nhiệm quốc gia, đánh giá rủi ro tín dụng quốc gia:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính thu thập, thiết lập và duy trì hệ thống thông tin, số liệu cập nhật, đầy đủ cho việc xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

b) Xây dựng báo cáo tổng quan về kinh tế - xã hội quốc gia hàng năm; báo cáo đánh giá cụ thể về những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực gắn với nội dung xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

c) Thực hiện công tác quảng bá, gặp gỡ với các nhà đầu tư theo định kỳ hàng năm nhằm tăng cường thông tin về Việt Nam cho nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình huy động vốn trên thị trường trong nước và quốc tế;

d) Phối hợp với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, các tổ chức quốc tế trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế gắn với yêu cầu tăng cường xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

đ) Là đầu mối làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và tiếp xúc với các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA) của các nước OECD để đánh giá rủi ro tín dụng quốc gia.

### 7. Các nhiệm vụ khác

a) Cử đại diện tham gia thành phần của Ban Chỉ đạo các chương trình, dự án sử dụng vốn vay nợ, viện trợ hoặc các nhóm công tác liên ngành theo đề nghị của các cơ quan chủ trì và theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Tổ chức công tác thống kê, phân tích, dự báo đối với các lĩnh vực do Cục quản lý; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo qui định của Bộ Tài chính;

c) Tổ chức nghiên cứu khoa học hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong và ngoài ngành theo kế hoạch và nội dung đề tài được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao;

d) Hướng dẫn, giải đáp các chính sách, chế độ quản lý nhà nước và quản lý tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cục;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính phân công theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Văn phòng Cục.

2. Phòng Kế hoạch và Quản lý rủi ro.

3. Phòng Thanh toán Nợ và Thống kê.
4. Phòng Quản lý vay nợ trong nước.
5. Phòng Quan hệ với các nước châu Âu, châu Mỹ
6. Phòng Quan hệ với các nước châu Á, châu Phi và Thái Bình Dương.
7. Phòng Quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế đa phương.
8. Phòng Bảo lãnh Chính phủ và Vay thương mại.
9. Phòng Tổ chức quốc tế và phi Chính phủ.
10. Tổ Quản lý và tiếp nhận viện trợ quốc tế tại Đà Nẵng.
11. Tổ Quản lý và tiếp nhận viện trợ quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh.
12. Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật về quản lý nợ và giao nhận hàng vay nợ, viện trợ.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật về quản lý nợ và giao nhận hàng vay nợ, viện trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Tổ Quản lý và tiếp nhận hàng viện trợ quốc tế tại thành phố Đà Nẵng và Tổ Quản lý và tiếp nhận hàng viện trợ quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng, và các phòng do Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại quy định.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại làm việc theo tổ chức phòng kết hợp với chế độ chuyên viên. Đối với công việc thực hiện chế độ chuyên viên, Cục trưởng phân công nhiệm vụ cho công chức, viên chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được bố trí kế toán trưởng tại các đơn vị dự toán theo quy định hiện hành của pháp luật và của Bộ Tài chính.

Biên chế của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

#### **Điều 4. Lãnh đạo Cục**

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có Cục trưởng và một số phó Cục trưởng.

Lãnh đạo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được ủy quyền ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tài chính các công văn hướng dẫn chính sách, chế độ, các hợp đồng ủy quyền cho vay lại, hiệp định vay phụ, các hợp đồng cho vay lại (trong trường hợp Bộ Tài chính là cơ quan cho vay lại), các hợp đồng gửi tiền của Quỹ tích lũy trả nợ, các chứng từ rút vốn, trả nợ và các văn bản khác thuộc nghiệp vụ chuyên môn của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.

Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về toàn bộ hoạt động của Cục; quản lý cán bộ, công chức và quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định.



Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về nhiệm vụ được phân công phụ trách.

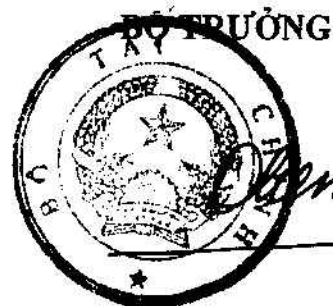
**Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1168/QĐ-BTC ngày 22/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.

Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *147*

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 5;
- VPĐU, CĐ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.



**Đinh Tiến Dũng**